

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: ngành Quản lý giáo dục (Đợt 2 năm 2026)

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh năm 2026, Học viện Quản lý giáo dục thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 2, năm 2026, ngành **Quản lý giáo dục** như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1.1 Ngành Quản lý giáo dục theo hướng nghiên cứu

Đối tượng dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng được điều kiện sau:

1.1.1. Về văn bằng và kinh nghiệm công tác

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục (7140114) loại khá trở lên hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi dự tuyển.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên (714) (Phụ lục 1, mục 1.1) và ngành Quản trị trường học (7140117) loại khá trở lên hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi dự tuyển; Đối tượng này cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ thi tuyển, có xác nhận của cơ quan công tác).

- Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành quản trị, quản lý (Phụ lục 1, mục 1.2) loại khá trở lên và có ít nhất 01 bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi dự tuyển. Đối tượng này cần có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ thi tuyển, có xác nhận của cơ quan công tác).

- Đối tượng có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có giấy công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nộp Giấy công nhận văn bằng cùng hồ sơ đăng ký dự tuyển) và được Hội đồng tuyển sinh xem xét cụ thể và quyết định.

- Đối tượng và chính sách ưu tiên: Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Học viện Quản lý Giáo dục.

1.1.2. Về trình độ ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Tiếng Anh khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Quản lý giáo dục cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 2 của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định riêng của Học viện (nếu có). Các trường hợp người học được tiếp nhận theo Quyết định thuộc diện Hiệp định, không thuộc các trường hợp trên, Học viện sẽ thành lập tiểu ban đánh giá năng lực Tiếng Việt của học viên để xác nhận đủ điều kiện học tập (nếu có).

1.1.3 Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

II. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. Thời gian, hình thức đào tạo

- Ngành Quản lý giáo dục: 02 năm

- Hình thức đào tạo: Chính quy

2.2. Thời gian tổ chức thi

Đợt 02 (Dự kiến): Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày **28,29/11/2026**

2.3. Phương thức tuyển sinh

Người đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải tham dự kỳ thi tuyển sinh do Học viện Quản lý giáo dục tổ chức, các môn thi quy định cho ngành như sau:

Ngành	Mã ngành	Môn thi		
		Cơ bản	Chủ chốt	Ngoại ngữ (Điều kiện)
Quản lý giáo dục	8 14 01 14	Giáo dục học	Khoa học quản lý	Tiếng Anh

- Dạng thức đề thi môn cơ bản và môn chủ chốt là tự luận, thời gian thi 180 phút.
- Điểm xét trúng tuyển là tổng điểm của 2 môn cơ bản và chủ chốt, trong đó điểm của từng môn cơ bản/chủ chốt phải ≥ 5.0 (tính theo thang điểm 10), điểm ngoại ngữ đạt yêu cầu (20/40 điểm).
- Hình thức thi môn Tiếng Anh theo quy định hiện hành của Bộ GD và ĐT và Học viện.

2.4. Phương thức xét trúng tuyển

- Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển theo nguyên tắc mức điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đạt chỉ tiêu; Điểm tối thiểu từng môn thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện;

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ƯU TIÊN

3.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương theo quy định;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

Các đối tượng ưu tiên trên cần có giấy xác nhận ưu tiên của các cấp có thẩm quyền.

3.2. Mức hưởng ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 4 điểm vào môn thi Ngoại ngữ (*thang điểm 40*) hoặc tương đương 10% điểm của bài thi môn Ngoại ngữ và cộng 01 điểm (*thang điểm 10*) vào môn thi Cơ bản.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

Hồ sơ đăng ký dự thi theo quy định của Học viện Quản lý giáo dục, cụ thể:

- 1) Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu*);
- 2) Bản sao có công chứng nhà nước bằng tốt nghiệp đại học; Giấy chứng nhận đã học bổ sung kiến thức (*nếu có*);
- 3) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự thi cư trú hoặc trường nơi sinh viên tốt nghiệp;
- 4) Công văn giới thiệu dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý nếu thí sinh là đối tượng cơ quan cử đi học (*theo mẫu*);
- 5) Bản sao công chứng các Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động dài hạn nơi tuyển dụng hoặc Giấy xác nhận của cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục);
- 6) Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);
- 7) Giấy chứng nhận sức khỏe theo qui định;
- 8) 03 ảnh 4 x 6 mới chụp trong vòng 6 tháng, mặt sau ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh;
- 9) 02 phong bì, ghi rõ họ tên và địa chỉ người dự thi.

***Các mẫu văn bản, hồ sơ thí sinh có thể tải trên Website của Học viện Quản lý giáo dục hoặc liên hệ trực tiếp tại Phòng 307, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục;**

*** Học viện không nhận hồ sơ của thí sinh nếu thiếu 01 trong các giấy tờ theo yêu cầu trên**

V. LỆ PHÍ DỰ THI TUYỂN SINH VÀ HỌC PHÍ

5.1. Lệ phí dự thi

- Lệ phí hồ sơ dự thi: 60.000 đ/hồ sơ (nộp khi mua hồ sơ)
- Lệ phí dự thi tuyển sinh: 360.000đ/thí sinh (240.000VNĐ đối với trường hợp thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ). Lệ phí dự thi nộp cùng thời điểm nộp hồ sơ tại Phòng KH - TC, Phòng 209, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục.

5.2. Học phí

Học viên nộp học phí hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ ÔN TẬP

- Thời gian học bổ sung kiến thức dự thi tuyển sinh dự kiến từ ngày **12/9/2026**;

Học viện liên tục tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức dự thi, ôn tập khi đủ số

lượng học viên đăng ký.

- Kế hoạch, nội dung chương trình: Theo thông báo riêng về học bổ sung kiến thức dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đăng trên Website của Học viện Quản lý giáo dục và gửi học viên khi nộp hồ sơ.

VII. THỜI GIAN PHÁT HÀNH, NHẬN HỒ SƠ

Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển sinh:

Thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển sinh từ ngày **17/8/2026 đến hết 6/11/2026**. Hồ sơ khi nhận bao gồm giấy chứng nhận đã học bổ sung kiến thức (*đối với những đối tượng phải học BSKT*).

VIII. ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ THI TUYỂN SINH

Phòng Quản lý đào tạo - Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên (Bộ phận Sau Đại học) - Phòng 307, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục, số 31 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 024.36 68 74 30; 0785.901.789. Fax: 024.38647886.

hoặc ThS. Lương Thị Minh Phương, số điện thoại: 0919 472 834 hoặc ThS. Tô Văn Toàn, số điện thoại: 0947.898987 hoặc ThS. Nguyễn Kim Liên, số điện thoại: 0936.558588

Mọi thông tin chi tiết đăng trên Website của Học viện Quản lý giáo dục:
<http://www.naem.edu.vn>

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: TCHC, P.QLĐT-GDCT&CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *qhu*

TS. Phan Hồng Dương

Phụ lục 1

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 739/TB-HVQLGD ngày 17 tháng 8 năm 2026
của Học viện Quản lý giáo dục)

1.1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành thuộc lĩnh vực đào tạo Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên (714) và ngành Quản trị trường học (7140117):

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
714	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		
71401	Khoa học giáo dục		
7140101	Giáo dục học		
7140103	Công nghệ giáo dục		
71402	Đào tạo giáo viên		
7140201	Giáo dục Mầm non		
7140202	Giáo dục Tiểu học		
7140203	Giáo dục Đặc biệt		
7140204	Giáo dục Công dân		
7140205	Giáo dục Chính trị		
7140206	Giáo dục Thể chất		
7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		
7140209	Sư phạm Toán học		

7140210	Sư phạm Tin học		
7140211	Sư phạm Vật lý		
7140212	Sư phạm Hóa học		
7140213	Sư phạm Sinh học		
7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		
7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp		
7140217	Sư phạm Ngữ văn		
7140218	Sư phạm Lịch sử		

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
7140219	Sư phạm Địa lý		
7140221	Sư phạm Âm nhạc		
7140222	Sư phạm Mỹ thuật		
7140223	Sư phạm Tiếng Bana		
7140224	Sư phạm Tiếng Êđê		
7140225	Sư phạm Tiếng Jrai		
7140226	Sư phạm Tiếng Khmer		
7140227	Sư phạm Tiếng H'mong		
7140228	Sư phạm Tiếng Chăm		
7140229	Sư phạm Tiếng M'nông		
7140230	Sư phạm Tiếng Xêđăng		
7140231	Sư phạm Tiếng Anh		
7140232	Sư phạm Tiếng Nga		
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp		
7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		
7140235	Sư phạm Tiếng Đức		
7140236	Sư phạm Tiếng Nhật		
7140237	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc		
7140245	Sư phạm nghệ thuật		

7140246	Sư phạm công nghệ		
7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên		
7140248	Giáo dục pháp luật		
7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý		

1.2. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành liên quan đến quản trị, quản lý:

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
7229042	Quản lý văn hóa		
7310205	Quản lý nhà nước		
7320205	Quản lý thông tin		
7340101	Quản trị kinh doanh		
7340401	Khoa học quản lý		
7340403	Quản lý công		
7340404	Quản trị nhân lực		
7340405	Hệ thống thông tin quản lý		
7340406	Quản trị văn phòng		

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
7340409	Quản lý dự án		
7510601	Quản lý công nghiệp		
7580302	Quản lý xây dựng		
7620305	Quản lý thủy sản		
7720801	Tổ chức và Quản lý y tế		
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
7810201	Quản trị khách sạn		
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống		
7840102	Quản lý hoạt động bay		
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		
7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự		
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông		

Phụ lục 2

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI
NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số: 739 /TB -HVQLGD ngày 17 tháng 8 năm 2026
của Học viện Quản lý giáo dục)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm		Ghi chú
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4	
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93	Các chứng chỉ/văn bằng phải được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào thời điểm tuyển sinh
		TOEFL ITP	450-499		
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5	
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	
		Các chứng chỉ Tiếng Anh khác	Từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại thời điểm xét tuyển; Danh sách này được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng) tại địa chỉ http://vqa.moet.gov.vn/vi/	Từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại thời điểm xét tuyển; Danh sách này được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng) tại địa chỉ http://vqa.moet.gov.vn/vi/	
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	

4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2	